

Bài 9

SỰ PHÁT TRIỂN VÀ PHÂN BỐ LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN

Nước ta có ba phần tư diện tích là đồi núi và đường bờ biển dài tới 3260 km, đó là điều kiện thuận lợi để phát triển lâm nghiệp và thủy sản. Lâm nghiệp và thủy sản đã có đóng góp to lớn cho nền kinh tế đất nước.

I. LÂM NGHIỆP

Lâm nghiệp có vị trí đặc biệt trong phát triển kinh tế – xã hội và giữ gìn môi trường sinh thái.

1. Tài nguyên rừng

Trước đây hơn nửa thế kỉ, Việt Nam là nước giàu tài nguyên rừng. Hiện nay, tài nguyên rừng đã bị cạn kiệt ở nhiều nơi. Năm 2000, tổng diện tích đất lâm nghiệp có rừng gần 11,6 triệu ha, độ che phủ tính chung toàn quốc là 35%. Trong điều kiện của nước ta (ba phần tư diện tích là đồi núi) thì tỉ lệ này vẫn còn thấp.

Bảng 9.1. Diện tích rừng nước ta, năm 2000 (nghìn ha)

Rừng sản xuất	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	Tổng cộng
4733,0	5397,5	1442,5	11573,0

Dựa vào bảng 9.1, hãy cho biết cơ cấu các loại rừng ở nước ta. Nêu ý nghĩa của tài nguyên rừng.

Rừng sản xuất cung cấp gỗ cho công nghiệp chế biến gỗ và cho xuất khẩu. Việc trồng rừng nguyên liệu giấy đem lại việc làm và thu nhập cho người dân.

Rừng phòng hộ là các khu rừng đầu nguồn các con sông, các cánh rừng chắn cát bay dọc theo dải ven biển miền Trung, các dải rừng ngập mặn ven biển.

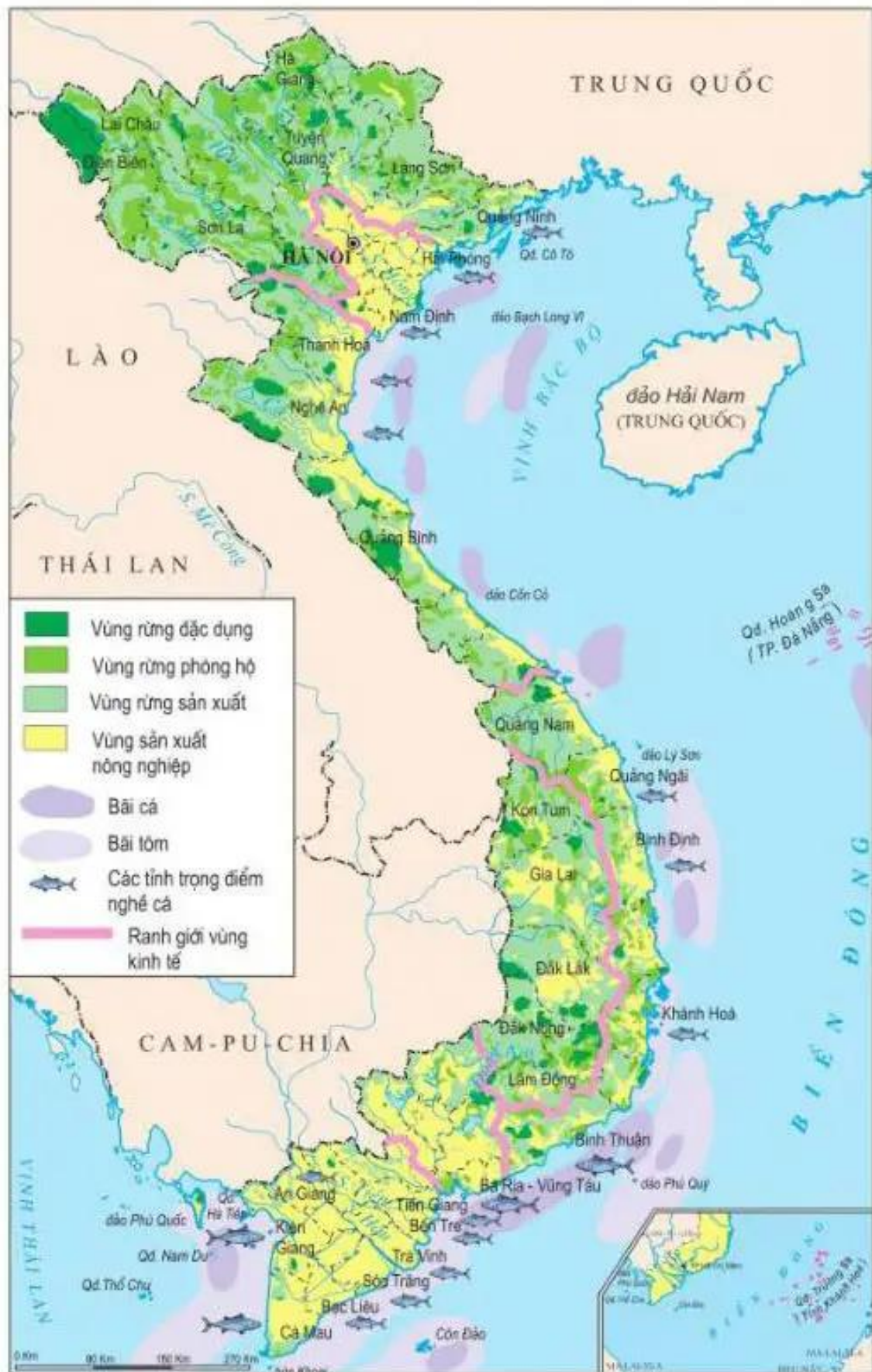
Nước ta còn có một hệ thống rừng đặc dụng. Đó là các vườn quốc gia và các khu dự trữ thiên nhiên như : Cúc Phương, Ba Vì, Ba Bể, Bạch Mã, Cát Tiên,...

2. Sự phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp



Hình 9.1.
Một mô hình
kinh tế trang
trại nông lâm
kết hợp

Hiện nay, hằng năm cả nước khai thác khoảng hơn 2,5 triệu mét khối gỗ. Gỗ chỉ được phép khai thác trong khu vực rừng sản xuất, chủ yếu ở miền núi và trung du. Công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản được phát triển gắn với các vùng nguyên liệu.



Hình 9.2. Lược đồ lâm nghiệp và thủy sản Việt Nam, năm 2002

Chúng ta phấn đấu thực hiện chiến lược trồng mới 5 triệu ha rừng vào năm 2010, đưa tỉ lệ che phủ rừng lên 43%, chú trọng bảo vệ rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và trồng cây gây rừng. Mô hình nông - lâm kết hợp đang được phát triển, góp phần bảo vệ rừng và nâng cao đời sống cho nhân dân.

Việc đầu tư trồng rừng đem lại lợi ích gì? Tại sao chúng ta phải vừa khai thác vừa bảo vệ rừng?

II. NGÀNH THỦY SẢN

Thủy sản là ngành kinh tế quan trọng, có ý nghĩa to lớn về kinh tế - xã hội và góp phần bảo vệ chủ quyền vùng biển của nước ta. Các mặt hàng thủy sản ngày càng được ưa chuộng trên thị trường trong nước và quốc tế.

1. Nguồn lợi thủy sản

Nước ta có điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên khá thuận lợi để phát triển ngành khai thác và nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ, nước ngọt.

Bốn ngư trường trọng điểm của nước ta là: ngư trường Cà Mau - Kiên Giang, ngư trường Ninh Thuận - Bình Thuận - Bà Rịa - Vũng Tàu, ngư trường Hải Phòng - Quảng Ninh và ngư trường quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

Hãy xác định trên hình 9.2 những ngư trường này.

Đọc bờ biển nước ta có những bãi triều, đầm phá, các dải rừng ngập mặn. Đó là những khu vực thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản nước lợ. Ở nhiều vùng biển ven các đảo, vũng, vịnh có điều kiện thuận lợi cho nuôi thủy sản nước mặn (nuôi trên biển). Nước ta còn có nhiều sông, suối, ao, hồ,... có thể nuôi cá, tôm nước ngọt.

Tuy nhiên, việc phát triển ngành thủy sản gặp không ít khó khăn.

Hãy cho biết những khó khăn do thiên nhiên gây ra cho nghề khai thác và nuôi trồng thủy sản.

Nghề thủy sản đòi hỏi vốn rất lớn, trong khi phần lớn ngư dân còn nghèo. Vì vậy, quy mô ngành thủy sản còn nhỏ. Ở nhiều vùng ven biển, môi trường bị suy thoái và nguồn lợi thủy sản bị suy giảm khá mạnh.

2. Sự phát triển và phân bố ngành thủy sản

Do thị trường mở rộng mà hoạt động của ngành thủy sản trở nên sôi động.

Gần một nửa số tỉnh của nước ta giáp biển, hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản đang được đẩy mạnh. Nghề cá ở các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ và Nam Bộ phát triển mạnh.

Bảng 9.2. Sản lượng thủy sản (nghìn tấn)

Năm	Tổng số	Chia ra	
		Khai thác	Nuôi trồng
1990	890,6	728,5	162,1
1994	1465,0	1120,9	344,1
1998	1782,0	1357,0	425,0
2002	2647,4	1802,6	844,8

Hãy so sánh số liệu trong bảng, rút ra nhận xét về sự phát triển của ngành thủy sản.

Khai thác hải sản : Sản lượng khai thác tăng khá nhanh, chủ yếu do tăng số lượng tàu thuyền và tăng công suất tàu. Các tỉnh dẫn đầu về sản lượng khai thác là Kiên Giang, Cà Mau, Bà Rịa – Vũng Tàu và Bình Thuận.

Nuôi trồng thủy sản : Nuôi trồng thủy sản gần đây phát triển nhanh, đặc biệt là nuôi tôm, cá. Các tỉnh có sản lượng thủy sản nuôi trồng lớn nhất là Cà Mau, An Giang và Bến Tre.

Xuất khẩu thủy sản đã có bước phát triển vượt bậc. Trị giá xuất khẩu năm 1999 đạt 971 triệu USD, năm 2002 đạt 2014 triệu USD (đứng thứ ba sau dầu khí và may mặc). Xuất khẩu thủy sản đã là đòn bẩy tác động đến toàn bộ các khâu khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản.

Hiện nay, sản lượng khai thác vẫn chiếm tỉ trọng lớn, sản lượng nuôi trồng tuy chiếm tỉ lệ nhỏ hơn nhưng có tốc độ tăng nhanh.

Rừng nước ta cần được khai thác hợp lí đi đôi với trồng mới và bảo vệ rừng.

Sản xuất thủy sản phát triển mạnh mẽ, xuất khẩu thủy sản tăng vượt bậc.

CÂU HỎI VÀ BÀI TẬP

1. Hãy xác định trên hình 9.2, các vùng phân bố rừng chủ yếu.
2. Hãy xác định trên hình 9.2, các tỉnh trọng điểm nghề cá.
3. Căn cứ vào bảng 9.2, hãy vẽ biểu đồ ba đường biểu diễn thể hiện sản lượng thủy sản, thời kì 1990 – 2002.